

Bản án số: 832/2018/DS-PT

Ngày: 14/9/2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/8/2018, ngày 07/9/2018 và ngày 14/9/2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2018/TLPT-DS ngày 21/6/2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện BC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3589/2018/QĐXXPT-DS ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

N đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1933 (có mặt)

Địa chỉ: E9/57 Ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Hữu H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: E3/57 Ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Tấn N, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: E27/59 Ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1989 (có mặt)

2. Ông Trần Thành N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: E9/57 Ấp 5, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn D là N đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án N đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông được nhà nước cấp quyền sử dụng đất 15.508 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 207818 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 1399/QSDĐ/Hung Long do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 14/12/1998 cho hộ ông Trần Văn D, trong đó có phần đất thửa số 364 tờ bản đồ số 3, diện tích 661m² đất nghĩa trang gia tộc mà ông là người sử dụng.

Tháng 3/2005, ông Phan Tấn N dùng xe cơ giới chở đất đắp nền, cất nhà trọ cho thuê trên phần đất có ranh liền kề. Thửa dịp này ông N san lấp lấn chiếm phần đất thổ mộ thửa 364 của ông với diện tích 286m².

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Hữu H trả lại cho ông phần đất diện tích 286 m² thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 3, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Phan Hữu H ủy quyền cho ông Phan Tấn N đại diện trình bày:

Năm 1999, ông có mua của bà Huỳnh Thị C phần đất diện tích 474 m² thuộc thửa 365, tờ bản đồ số 3 xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/3/2003, bà Chính chuyển quyền sử dụng đất cho ông và ông để cho con là Phan Hữu H đứng tên.

Năm 2004, gia đình ông đã chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở xây nhà và làm hàng rào. Nền nhà làm cao hơn mặt đường nên nước sinh hoạt có chảy qua phần đất của gia đình ông D, nên ông D có KH nại ra xã tranh chấp việc xả thải với ông. Việc ông D cho rằng, gia đình ông lấn chiếm phần đất thổ mộ có diện tích 286m² thì ông không đồng ý. Ông khẳng định ông mua đất có giấy tờ đầy đủ và không lấn chiếm đất của gia đình ông D.

Tại bản án sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện BC đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của hộ ông Trần Văn D về việc yêu cầu ông Phan Hữu H trả lại 286 m² đất thửa 364, tờ bản đồ số 03 tại xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo vẽ, chi phí định giá:

Ông Phan Hữu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông D 50.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 037740 ngày 25/5/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC.

Chi phí đo vẽ 1.905.842 đồng theo hợp đồng số 102648/ĐĐBĐ ngày 30/5/2008 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài N và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ông D tự chịu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 28/2018/QĐ-SCBA ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện BC đã quyết định: Sửa chữa, bổ sung Bản án số 85/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện BC như sau:

Tại dòng thứ 12 đến dòng thứ 13 từ trên xuống trang 1 của bản án đã ghi: “Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Nga; 2. Ông Trần Văn Hảo.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Kim Hoa; 2. Ông Vũ Huy Hoàng.”

Ngày 29/5/2018, N đơn ông Trần Văn D kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ N đơn ông Trần Văn D kháng cáo yêu cầu ông Phan Hữu H trả lại diện tích đất là 165 m² giáp hai thửa số 364 và 365, tờ bản đồ số 3, xã HL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu số 02/CT-UB) cho ông, căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài N và Môi trường lập ngày 05/9/2008 và Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH dịch vụ khảo sát địa chất – Đo đạc bản đồ Quan San lập ngày 29/11/2006.

+ Bị đơn ông Phan Hữu H ủy quyền cho ông Phan Tấn N yêu cầu y án sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị Ngọc B thống nhất với yêu cầu của ông D.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Cấp sơ thẩm chưa xem xét đối với đơn khởi kiện của ông Trần Văn D khởi kiện bị đơn ông Phan Tấn N. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, vụ án này các đương sự tranh chấp từ năm 2007, án sơ thẩm căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài N và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/01/2015, áp ranh theo Giấy chứng nhận số CH 02785 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 07/01/2014 cho ông Phan Hữu H để làm căn cứ giải quyết vụ án là không phù hợp, vì thời điểm này Tòa án đang giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông D và ông H.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện BC để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thành N và bà Nguyễn Thị Kim C đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà C.

[2] Theo đơn khởi kiện về việc tranh chấp đất bị chiếm ngày 24/4/2007, N đơn ông Trần Văn D khởi kiện ông Phan Tấn N yêu cầu buộc ông N phải trả lại cho ông 286 m² đất thuộc thửa 364 mà ông N đã chiếm đất thổ mộ của gia đình ông (bút lục số 134).

[3] Tòa án nhân dân huyện BC ra Thông báo cho ông D nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và ngày 22/5/2007, ông D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 037740 ngày 25/5/2007.

[4] Ngày 25/5/2007, Tòa án nhân dân huyện BC ra Thông báo về việc thụ lý vụ án gửi Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC và ông Phan Tấn N có nội dung: Ngày 25/5/2007, Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án dân sự số 161/2007/TLST-DS về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo đơn khởi kiện của ông D. Những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Ông Trần Văn D yêu cầu ông Phan Tấn N có trách nhiệm trả cho ông D phần diện tích bị chiếm dụng là 286m² thuộc thửa 364 tờ bản đồ số 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1399/QSDĐ/1998 cấp cho hộ ông Trần Văn D (bút lục số 138).

[5] Tại Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 36/2007/QĐST-DS ngày 13/8/2007 của Tòa án nhân dân huyện BC xác định tư cách bị đơn là ông Phan Tấn N (bút lục số 207).

[6] Ngày 14/5/2008, N đơn ông Trần Văn D có đơn khởi kiện (tranh chấp quyền sử dụng đất) với bị đơn ông Phan Hữu H và yêu cầu ông H trả lại phần đất 286 m² mà ông H đã lấn chiếm (bút lục số 87).

[7] Trong vụ án này từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án nhân dân huyện BC ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án đều xác định ông Phan Tấn N là bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/5/2008, N đơn ông Trần Văn D có đơn khởi kiện (tranh chấp quyền sử dụng đất) với bị đơn ông Phan Hữu H. Án sơ thẩm xác định ông Phan Hữu H là bị đơn nhưng chưa giải quyết đối với việc N đơn ông Trần Văn D khởi kiện bị đơn ông Phan Tấn N là vi phạm thủ tục tố tụng.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm

trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 208; 209; 210; 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện BC đã đưa ông Trần Văn TR là thành viên hộ gia đình vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bản tự khai của ông Trong ngày 19/6/2007). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Trong chết ngày 19/10/2007 (Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án ngày 25/5/2007) nhưng án sơ thẩm không xác định ông TR chết và đưa những người thừa kế của ông TR vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng của ông Trong là vi phạm quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Tòa án nhân dân huyện BC căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài N và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 09/01/2015, áp ranh theo Giấy chứng nhận số CH 02785 do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 07/01/2014 cho ông Phan Hữu H để làm căn cứ giải quyết vụ án là không phù hợp. Vì vụ án này các đương sự tranh chấp từ đầu năm 2007 và Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án ngày 25/5/2007. Như vậy, khi giải quyết vụ án này, Tòa án nhân dân huyện BC phải yêu cầu Trung tâm đo đạc bản đồ áp ranh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3677/QSDD/Hung Long do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 17/3/2003 cho ông Phan Hữu H; Bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty TNHH dịch vụ thương mại đo đạc bản đồ Quan San lập ngày 25/7/2002 (do bà Huỳnh Thị C là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H yêu cầu đo đạc) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1399/QSDD/Hung Long do Ủy ban nhân dân huyện BC cấp ngày 14/12/1998 cho hộ ông Trần Văn D; Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH dịch vụ khảo sát địa chất – Đo đạc bản đồ Quan San lập ngày 29/11/2006 (do ông Trần Văn D yêu cầu đo đạc).

[9] Như đã nhận định trên, do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện BC để giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện BC giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, nên ông D không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn D.

2. Hủy bản án số 85/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 28/2018/QĐ-SCBA ngày 29/5/2018 cùng của Tòa án nhân dân huyện BC.

Chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện BC để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn D không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Văn D số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005146 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS huyện BC;
- TAND huyện BC ;
- Các đương sự;
- Lưu (T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường